

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Cơ chế tài chính
Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về Quỹ phát triển đất;
Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Xây dựng; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTTT- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: các PCVP, CVKT, CVTH;
- Lưu: VT, TH (HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

ĐIỀU LỆ

Tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo Quyết định số: **07** / 2025 /QĐ-UBND ngày **28** tháng **02** năm 2025
của UBND tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng (gọi tắt là Điều lệ Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất.
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ phát triển đất.

Chương II

**ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Quỹ phát triển đất

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ phát triển đất có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Tên gọi: Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Trụ sở Quỹ phát triển đất: Số 108, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

4. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ phát triển đất

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phát triển đất theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ phát triển đất.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ phát triển đất ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển đất gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Điều lệ này.

3. Quỹ phát triển đất hoạt động theo mô hình độc lập.

Điều 8. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có 05 (năm) thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Quỹ, Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

c) 03 thành viên thành viên Hội đồng quản lý: là Lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật. Các thành viên của Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

e) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 (năm) năm.

2. Các chức danh của Hội đồng quản lý thay đổi do luân chuyển, miễn nhiệm, chuyển công tác khác hoặc nghỉ hưu Giám đốc Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kiện toàn theo quy định.

3. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng quản lý hoạt động chuyên trách thực hiện theo Điều lệ tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất và pháp luật có liên quan.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ phát triển đất theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

e) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất và quy định của pháp luật có liên quan.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất và pháp luật có liên quan.

k) Thông qua Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Quỹ; thông qua số lượng người làm việc hàng năm.

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 9. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ phát triển đất.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện:

Việc kiện toàn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát, được thực hiện trên cơ sở văn bản đề nghị, giới thiệu thành viên Ban kiểm soát của các Sở có liên quan.

Trưởng Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và 02 phòng:

Phòng Nghiệp vụ: 07 người.

Phòng Tổ chức Hành chính: 07 người.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

3. Đối với số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao là viên chức.

Tổng số người làm việc của Quỹ được thực hiện theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 theo vị trí việc làm và số lượng người làm việc (biên chế) được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm. Căn cứ vào mức độ tự chủ và nhu cầu khối lượng công việc, Giám đốc Quỹ được phép sử dụng một số lao động hợp đồng (hợp đồng lao động ngoài chỉ tiêu biên chế) theo đúng quy định của pháp luật.

4. Việc tuyển dụng, quy hoạch bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, viên chức.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

6. Giám đốc Quỹ phát triển đất

Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động hàng năm của Quỹ; tham mưu, tổng hợp kế hoạch ứng vốn trình Hội đồng quản lý và phê duyệt kế hoạch ứng vốn sau khi báo cáo Hội đồng.

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ; xây dựng, triển khai kế hoạch công tác được cấp thẩm quyền giao.

c) Quyết định ứng vốn, giải ngân, gia hạn và thu hồi vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy trình, nghiệp vụ thực hiện ứng vốn, thu hồi vốn ứng và xây dựng quy chế mối quan hệ công tác tại Cơ quan điều hành nghiệp vụ quỹ.

d) Báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động của Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý, và các cơ quan có liên quan.

đ) Chấp hành, quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Phó Giám đốc Quỹ phát triển đất

Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành các hoạt động được phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ được giao.

8. Kế toán trưởng Quỹ

Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, Luật ngân sách và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất gồm:

a) Vốn điều lệ Quỹ phát triển đất được thực hiện theo:

Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này.

Vốn nhàn rỗi được gửi có kỳ hạn tối đa không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước và đảm bảo kịp thời thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực

hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa (không) thành lập tổ chức phát triển quỹ đất, thì đối tượng ứng vốn thực hiện nhiệm vụ tại điểm b khoản này là đơn vị, tổ chức được giao thực hiện.

đ) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất

1. Kế hoạch ứng vốn:

Xây dựng và ban hành Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất có trách nhiệm rà soát đề xuất ứng vốn trước khi phê duyệt để đảm bảo Kế hoạch ứng vốn được cân đối phù hợp.

2. Điều kiện ứng vốn gồm:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

Cơ quan, người có thẩm quyền trước khi phê duyệt quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này đảm bảo phù hợp và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.

a) Giám đốc Quỹ quyết định mức ứng vốn đến 05 tỷ đồng cho một dự án/nhiệm vụ.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn từ trên 05 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng cho một dự án/nhiệm vụ.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức ứng vốn từ 30 tỷ đồng trở lên cho một dự án/nhiệm vụ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ phát triển đất. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ phát triển đất lập báo cáo thẩm định, trình cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này xem xét, quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ phát triển đất kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ phát triển đất. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ phát triển đất cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, Điều 12 Điều lệ này, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, Điều 12 Điều lệ này, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 18 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

7. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

Chi phí quản lý vốn ứng được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Số dư nợ} & & \text{Mức chi phí} & & \text{Số ngày} \\ \text{quản lý} & = & \text{vốn ứng} & \times & \text{quản lý vốn} & \times & \text{sử dụng} \\ \text{vốn ứng} & & & & \text{ứng/365 ngày} & & \text{vốn ứng} \end{array}$$

Trong đó:

Số dư nợ vốn ứng: Là số tiền thực tế đã giải ngân.

Mức chi phí quản lý vốn ứng: Theo lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Mức lãi suất áp dụng cố định cho cả thời gian sử dụng vốn ứng.

Số ngày sử dụng vốn ứng: Theo số ngày cụ thể, do Quỹ và tổ chức ứng vốn xác định.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Chi phí quản lý vốn ứng được hoàn trả trước hoặc cùng thời gian hoàn trả vốn ứng.

4. Thời hạn ứng vốn được thực hiện theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án hoặc Quyết định điều chỉnh bổ sung liên quan đến dự án; Thời hạn hoàn trả vốn ứng được quy định trong hợp đồng ứng vốn nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện nêu trong quyết định phê duyệt dự án là 12 tháng.

Trường hợp dự án không quy định thời gian hoàn thành dự án, thì thời gian hoàn trả vốn ứng chậm nhất không quá 12 tháng kể từ ngày dự án hoàn thành ứng vốn.

5. Trường hợp xảy ra rủi ro đối với các dự án ứng vốn của Quỹ do chính sách của Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn

đến tổ chức ứng vốn gặp khó khăn trong hoàn trả vốn ứng và phí ứng vốn thì Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ phát triển đất (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ phát triển đất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

Điều 17. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất

1. Quỹ phát triển đất được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác của địa phương theo quy định.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ phát triển đất với bên ủy thác. Quyết định hoặc Hợp đồng nhận ủy thác được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm hạch toán và theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) của Quỹ.

4. Việc nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

5. Quỹ phát triển đất được hưởng khoản thu từ việc nhận ủy thác và được xác định là khoản thu của Quỹ.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất

1. Năm tài chính của Quỹ phát triển đất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý: Hệ số 1,7/tháng.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý: Hệ số 1,5/tháng.
- c) Các thành viên Hội đồng quản lý: Hệ số 1,3/tháng.
- d) Trưởng Ban kiểm soát Quỹ: Hệ số 1,0/tháng.
- e) Thành viên Ban kiểm soát Quỹ: Hệ số 0,6/tháng.

4. Phụ cấp chức vụ:

- a) Giám đốc: Hệ số 0,9/tháng.
- b) Phó Giám đốc: Hệ số 0,7/tháng.
- c) Trưởng phòng: Hệ số 0,5/tháng.
- d) Phó phòng: Hệ số 0,3/tháng.

5. Phụ cấp trách nhiệm:

- a) Kế toán trưởng: Hệ số 0,2/tháng.
- b) Phụ trách kế toán: Hệ số 0,1/tháng.

6. Đất trụ sở của Quỹ phát triển đất thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại Điều 19 của Quyết định này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Quỹ phát triển đất theo Quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

d) Các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, Quỹ xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị, phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ theo khoản 3 Điều 12, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất.

4. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ phát triển đất thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các quy định về chế độ kế toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ phát triển đất có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về kế toán. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phát triển đất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Quỹ phát triển đất lập báo cáo quyết toán hằng năm đối với nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn viện trợ, nguồn thu phí được để lại, các nguồn khác được để lại theo quy định gửi UBND tỉnh hoặc cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

4. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ phát triển đất được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất và quy định của pháp luật.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Trong thời gian chưa hoàn thành việc kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, điều chỉnh hoạt động ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ theo quy định tại khoản này, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động ứng vốn và hoàn trả vốn ứng của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Chương III Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp Quỹ phát triển đất đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3) Phí ứng vốn của các dự án trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được thực hiện theo hợp đồng đã ký giữa Quỹ phát triển đất và các chủ đầu tư.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Các Sở, ngành, căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để phát huy hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ phát triển đất tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này, các Quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Các nội dung về tổ chức, hoạt động của Quỹ không ghi trong bản Điều lệ này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng./.